

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 25, 26/9/2021

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT2234	Bùi Thị Ngọc Anh	11/08/1998	Hưng Yên	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
2	CNTT2235	Nguyễn Bảo Anh	12/02/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
3	CNTT2236	Đào Thị Ánh	26/04/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
4	CNTT2237	Chu Thị Bắc	06/07/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
5	CNTT2238	Trần Văn Bình	09/09/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	1,5	Không đạt	
6	CNTT2239	Nông Thị Bình	09/03/2000	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	5,5	Đạt	
7	CNTT2240	Diêm Thị Lan Chi	16/08/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	5,5	Đạt	
8	CNTT2241	Dương Thị Thùy Chinh	19/12/1998	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,2	5,0	Đạt	
9	CNTT2242	Nguyễn Quang Doanh	28/07/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	5,0	Đạt	
10	CNTT2243	Giáp Văn Duy	19/04/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt	
11	CNTT2244	Tổng Thùy Dương	19/08/2001	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,0	Đạt	
12	CNTT2245	Thân Thị Đan	12/08/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,0	Đạt	
13	CNTT2246	Nguyễn Đình Đạt	25/10/1995	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	5,5	Đạt	
14	CNTT2247	Chu Văn Đoài	21/03/1999	Hưng Yên	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt	
15	CNTT2248	Nguyễn Hồng Đức	08/04/1998	Thái Bình	Nam	Kinh	5,0	5,0	Đạt	
16	CNTT2249	Hoàng Đức Giang	03/01/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	Đạt	
17	CNTT2250	Ngô Thị Hà	11/10/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,0	Đạt	
18	CNTT2251	Phan Thị Hà	19/05/2001	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	6,0	Đạt	
19	CNTT2252	Vũ Văn Hải	25/05/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	0,0	Không đạt	
20	CNTT2253	Bùi Thục Hiền	01/06/2001	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,0	Đạt	
21	CNTT2254	Hoàng Thị Hiền	02/06/1997	Bắc Giang	Nữ	Tày	-	-	-	Vắng thi
22	CNTT2255	Lê Ngọc Hiền	09/07/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	6,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
23	CNTT2256	Đoàn Văn Hiện	05/04/1995	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	8,0	Đạt	
24	CNTT2257	Đặng Vũ Hiệp	25/09/1999	Nam Định	Nam	Kinh	5,7	6,5	Đạt	
25	CNTT2258	Nguyễn Phương Hoa	05/11/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,2	6,5	Đạt	
26	CNTT2259	Nguyễn Thị Huệ	13/12/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
27	CNTT2260	Nguyễn Huy Hùng	07/11/1997	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,2	6,0	Đạt	
28	CNTT2261	Bùi Quang Huy	03/06/1999	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	6,5	Đạt	
29	CNTT2262	Chu Quốc Huy	09/05/2000	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	2,0	Không đạt	
30	CNTT2263	Nguyễn Trọng Huỳnh	17/12/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
31	CNTT2264	Dương Thị Quỳnh Hương	12/02/2001	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,7	6,5	Đạt	
32	CNTT2265	Châu Thị Hường	23/06/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
33	CNTT2266	Phan Thị Hường	01/12/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,0	6,5	Đạt	
34	CNTT2267	Lăng Văn Khải	05/05/1998	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	6,5	Đạt	
35	CNTT2268	Diêm Công Kiên	03/01/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,0	Đạt	
36	CNTT2269	Bàn Thanh Lâm	11/11/1998	Hà Giang	Nam	Dao	5,7	6,0	Đạt	
37	CNTT2270	Hoàng Thị Thuý Linh	13/12/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	8,0	Đạt	
38	CNTT2271	Lưu Quang Linh	16/07/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt	
39	CNTT2272	Trần Văn Quang	20/08/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	5,2	8,0	Đạt	
40	CNTT2273	Nguyễn Thị Mỹ Linh	14/06/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt	
41	CNTT2274	Vũ Thị Diệu Linh	13/06/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,0	Đạt	
42	CNTT2275	Nguyễn Ngọc Hải Long	05/08/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	5,0	Đạt	
43	CNTT2276	Lê Đình Minh	22/01/1998	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt	
44	CNTT2277	Nguyễn Trí Minh	11/06/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt	
45	CNTT2278	Nguyễn Thị Nga	20/11/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
46	CNTT2279	Đỗ Bích Ngọc	02/08/2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	7,7	8,5	Đạt	
47	CNTT2280	Đỗ Hữu Phong	07/02/1997	Hưng Yên	Nam	Kinh	7,2	8,0	Đạt	
48	CNTT2281	Nguyễn Mạnh Quân	25/10/1999	Hà Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Vắng thi
49	CNTT2282	Nguyễn Xuân Quế	12/09/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	6,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
50	CNTT2283	Ngô Trọng Sang	20/10/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	8,5	Đạt	
51	CNTT2284	Nguyễn Văn Sinh	27/09/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	9,5	Đạt	
52	CNTT2285	Nguyễn Thị Thanh Tâm	22/05/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
53	CNTT2286	Nguyễn Thị Thanh	23/03/2000	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7,7	8,0	Đạt	
54	CNTT2287	Trần Trọng Thành	28/09/1998	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,0	6,0	Đạt	
55	CNTT2288	Trịnh Đức Thành	26/04/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,5	8,0	Đạt	
56	CNTT2289	Vi Văn Thành	29/07/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	7,5	Đạt	
57	CNTT2290	Nguyễn Trung Hùng	16/10/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	8,0	Đạt	
58	CNTT2291	Nguyễn Thị Thanh Thảo	03/09/2000	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt	
59	CNTT2292	Phạm Xuân Thắng	30/03/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	5,0	Đạt	
60	CNTT2293	Dương Thu Thêu	16/02/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt	
61	CNTT2294	Nguyễn Thanh Thiệu	13/08/1998	Hải Phòng	Nam	Kinh	8,0	5,0	Đạt	
62	CNTT2295	Hà Văn Thọ	30/07/2000	Kon Tum	Nam	Kinh	-	-	-	Vắng thi
63	CNTT2296	Trần Thị Kim Thoa	10/02/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,0	Đạt	
64	CNTT2297	Lê Thị Thu	21/12/1997	Hà Nam	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt	
65	CNTT2298	Nguyễn Văn Thụ	21/12/1999	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
66	CNTT2299	Đỗ Danh Toàn	07/04/1999	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,7	5,5	Đạt	
67	CNTT2300	Luân Văn Toàn	04/05/2000	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	2,5	Không đạt	
68	CNTT2301	Vũ Thanh Trà	22/04/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	6,0	Đạt	
69	CNTT2302	Vũ Thị Minh Trang	19/11/2001	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	5,0	Đạt	
70	CNTT2303	Nông Quốc Trí	05/02/2001	Bắc Giang	Nam	Tày	7,2	1,5	Không đạt	
71	CNTT2304	Trịnh Quang Trung	27/06/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	8,0	Đạt	
72	CNTT2305	Nguyễn Mạnh Tuấn	06/07/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	2,5	Không đạt	
73	CNTT2306	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/09/2001	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,2	3,0	Không đạt	
74	CNTT2307	Hoàng Thị Uyên	15/07/2000	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	Đạt	
75	CNTT2308	Nguyễn Thị Dung	10/09/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
76	CNTT2309	Đào Thị Đạt	22/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
77	CNTT2310	Khuông Văn	Đức	07/07/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
78	CNTT2311	Nguyễn Văn	Giang	05/06/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	Đạt	
79	CNTT2312	Đỗ Trung	Kiên	03/05/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	7,0	Đạt	
80	CNTT2313	Trần Thị	Loan	04/01/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
81	CNTT2314	Nguyễn Thị	Mai	09/07/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
82	CNTT2315	Nguyễn Văn	Nam	22/10/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Vắng thi
83	CNTT2316	Dương Thị	Nga	11/01/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	6,5	Đạt	
84	CNTT2317	Dương Thị Ngọc	Quyên	25/10/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	8,5	Đạt	
85	CNTT2318	Đỗ Thị Minh	Thư	01/06/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
86	CNTT2319	Trần Thế	Toán	13/10/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	Đạt	
87	CNTT2320	Trần Thị	Trang	19/05/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,7	7,5	Đạt	

Số thí sinh theo danh sách: **87**

Số thí sinh vắng thi: **9**

Số thí sinh dự thi: **78**

Số thí sinh đạt yêu cầu: **71**

Số thí sinh không đạt yêu cầu: **7**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 29 tháng 9 năm 2021

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

ThS. Nguyễn Thị Hoa